

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

071-109

01/4

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tin chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01_3 -)/DA22DDA

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01/4/2024

Phòng thi: 071-109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	115422001	Mai Nhã An	27/03/2004	Nữ	5,5	4,5	5,0	001	Anh		
2	115422003	Nguyễn Ngọc Như Anh	08/07/2004	Nữ	8,5	5,0	6,8	002	Anh		
3	115422004	Nguyễn Trần Tuyết Anh	25/04/2003	Nữ	5,0	2,8	3,9	003	Anh		
4	115422006	Trần Nhật Anh	24/01/2004	Nữ	9,0	5,5	7,3	004	Anh		
5	115422009	Phan Thị Mộng Cẩm	06/03/2004	Nữ	8,5	4,5	6,5	005	Anh		
6	115422012	Vương Châu	30/10/2004	Nam	9,0	4,8	6,9	006	Anh		
7	115422013	Phan Lê Chi	03/06/2004	Nữ	7,0	4,3	5,7	007	Anh		
8	115422015	Kim Thị Ry Đa	16/10/2004	Nữ	9,0	4,8	6,9	008	Anh		
9	115422017	Thạch Hồng Diệp	30/01/2004	Nữ	10,0	5,8	7,9	009	Anh		
10	115422021	Nguyễn Thị Thủy Duy	14/10/2004	Nữ	8,0	5,8	6,9	010	Anh		
11	115422023	Hà Huỳnh Giao	03/01/2004	Nữ	9,0	3,5	6,3	011	Anh		
12	115422027	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10/02/2004	Nữ	8,5	4,3	6,4	012	Anh		
13	115422029	Bùi Ngọc Kim Hiền	05/10/2004	Nữ	8,5	5,3	6,9	013	Anh		
14	115422030	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	20/12/2004	Nữ	9,0	4,3	6,7	014	Anh		
15	115422033	Thạch Thị Ngân Huệ	15/01/2004	Nữ	9,0	4,5	6,8	015	Anh		
16	115422034	Lê Diễm Hương	06/01/2004	Nữ	5,0	3,5	4,3	016	Anh		
17	115422035	Phạm Thị Cẩm Hương	05/05/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	017	Anh		
18	115422036	Nguyễn Mỹ Hường	12/09/2004	Nữ	7,5	5,8	6,7	018	Anh		
19	115422037	Đào Nguyễn Quốc Huy	29/07/2004	Nam	9,0	3,8	6,4	019	Anh		
20	115422038	Đỗ Thị Mỹ Huỳnh	29/09/2004	Nữ	8,5	5,0	6,8	020	Anh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Phan Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ kiểm tra: Lanh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

D81-110

01/4

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01_3 -)/DA22DDA

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01/4/2024

Phòng thi: D81-110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	115422039	Thạch Dũ Keven	07/12/2004	Nam	8,5	4,0	6,3	001	<u>[Signature]</u>		
2	115422040	Huỳnh Mộng Kha	07/12/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	002	<u>[Signature]</u>		
3	115422041	Huỳnh Phúc Khang	07/06/2004	Nam	6,5	3,3	4,9	003	<u>[Signature]</u>		
4	115422042	Lê Nhật Khang	26/06/2004	Nam	8,0	5,0	6,5	004	<u>[Signature]</u>		
5	115422063	Thạch Thị Sô Phi Na	06/01/2004	Nữ	9,3	4,8	7,1	005	<u>[Signature]</u>		
6	115422119	Trần Thị Anh Thư	13/01/2004	Nữ	8,0	3,5	5,8	006	<u>[Signature]</u>		
7	115422149	Dương Thị Tường Vy	13/08/2004	Nữ	9,0	4,8	6,9	007	<u>[Signature]</u>		
8	115422160	Lê Gia Bảo	01/01/2004	Nam	8,0						
9	115422162	Nguyễn Tấn Đạt	16/11/2004	Nam	8,0	4,3	6,2	009	<u>[Signature]</u>		
10	115422164	Ngô Yến Lam	14/03/2004	Nữ	8,0	5,5	6,8	010	<u>[Signature]</u>		
11	115422168	Lê Huỳnh Như	29/05/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8	011	<u>[Signature]</u>		
12	115422169	Thạch Hoàng Phúc	15/06/2004	Nam	8,5	6,5	7,5	012	<u>[Signature]</u>		
13	115422174	Kim Thị Ngọc Trâm	28/05/2004	Nữ	9,5	5,0	7,3	013	<u>[Signature]</u>		
14	115422175	Nguyễn Thanh Trúc	15/04/2004	Nữ	9,0	5,0	7,0	014	<u>[Signature]</u>		
15	115422179	Nguyễn Thị Hồng Duyên	13/03/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	015	<u>[Signature]</u>		
16	115422180	Nguyễn Thị Trà Giang	13/07/2004	Nữ	8,0	5,3	6,7	016	<u>[Signature]</u>		
17	115422181	Trần Khánh Hân	22/09/2004	Nữ	8,5	4,8	6,7	017	<u>[Signature]</u>		
18	115422182	Nguyễn Nhật Huy	27/01/2004	Nam	8,5	4,8	6,7	018	<u>[Signature]</u>		
19	115422183	Tạ Trung Kiên	14/11/2004	Nam	9,5	3,8	6,7	019	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: [Signature]

Cán bộ ghi điểm: [Signature]

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

01/4

1771 111

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01_3 -)/DA22DDB

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01/04/2024

Phòng thi: 1771 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	115422046	Lê Châu Kiệt	09/12/2004	Nam	9,0	4,5	6,8	001	Châu		
2	115422048	Thái Thị Thanh	10/01/2004	Nữ	8,0	5,3	6,7	002	Thanh		
3	115422049	Võ Thị Tố	22/01/2004	Nữ	7,5	5,8	6,7	003	Tố		
4	115422050	Dương Thị	19/11/2004	Nữ	8,0	5,5	6,8	004	Thị		
5	115422052	Kiên Thị Phương	19/11/2004	Nữ	8,0	5,3	6,7	005	Phương		
6	115422053	Trần Lâm Thảo	18/02/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	006	Thảo		
7	115422055	Kim Phi	22/12/2003	Nam	7,0	6,3	5,7	007	Phi		
8	115422056	Lê Hoàng	12/11/2004	Nam	8,0	4,9	6,4	008	Hoàng		
9	115422057	Kim Duy	15/02/2003	Nam	7,5	4,5	6,0	009	Duy		
10	115422058	Võ Thị Cẩm	07/03/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	010	Cẩm		
11	115422059	Võ Thị Trúc	26/11/2002	Nữ	8,5	5,5	7,0	011	Trúc		
12	115422060	Nguyễn Ngọc Kiều	13/12/2004	Nữ	7,5	5,0	6,3	012	Kiều		
13	115422061	Lư Gia	05/10/2004	Nữ	7,5	5,8	6,7	013	Gia		
14	115422064	Bùi Ngọc	23/09/2004	Nữ	5,5	5,5	5,5	014	Ngọc		
15	115422065	Nguyễn Thị Thanh	05/10/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	015	Thanh		
16	115422067	Nguyễn Thị Ngọc	04/12/2004	Nữ	8,5	4,5	6,5	016	Ngọc		
17	115422070	Võ Đặng Khang	04/11/2004	Nữ	8,5	5,0	6,8	017	Khang		
18	115422071	Đỗ Thị Mỹ	31/10/2004	Nữ	6,0	5,5	5,8	018	Mỹ		
19	115422074	Nguyễn Lê Bảo	13/02/2004	Nữ	8,0	5,3	6,7	019	Bảo		
20	115422075	Nguyễn Thị Mỹ	12/04/2004	Nữ	8,5	4,8	6,7	020	Mỹ		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Khánh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Khoa

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

01/4

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

071 112

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tin chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01_3 -)/DA22DDB

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01 / 4 / 2024

Phòng thi: 071.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	115422077	Trương Yến Ngọc	11/11/2004	Nữ	8,5	5,5	7,0	001			
2	115422078	Huỳnh Thanh Thảo Nguyên	28/02/2004	Nữ	7,5	5,0	6,3	002			
3	115422079	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	08/03/2004	Nữ	8,5	5,5	7,0	003			
4	115422080	Trần Thị Kim Nguyên	06/12/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	004			
5	115422086	Thạch Thị Bình Nhi	13/06/2004	Nữ	8,5	5,0	6,8	005			
6	115422088	Nguyễn Thị Hồng Nhung	06/10/2004	Nữ	5,5	5,0	5,3	006			
7	115422091	Lê Hữu Hưng Phát	16/12/2004	Nam	4,5	6,0	5,3	007			
8	115422092	Huỳnh Thị Yến Phụng	17/07/2004	Nữ	7,5	5,0	6,3	008			
9	115422093	Đoàn Thị Trúc Phương	25/01/2004	Nữ	8,0	5,3	6,7	009			
10	115422095	Trần Thị Hồng Phương	30/05/2004	Nữ	8,0	5,0	6,5	010			
11	115422096	Kim Thị Bích Phượng	11/01/2004	Nữ	8,5	3,3	3,4	011			
12	115422097	Kim Thị Trúc Phượng	02/03/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	012			
13	115422098	Đặng Thái Quý	08/12/2004	Nam	8,5	5,3	6,9	013			
14	115422100	Huỳnh Phương Quyên	02/02/2004	Nữ	8,0	5,5	6,8	014			
15	115422178	Danh In	18/11/2001	Nam	6,0	4,5	5,3	015			
16	115422186	Nguyễn Hồ Năng Lượng	07/06/2003	Nam	8,0	5,3	6,7	018			
17	115422187	Nguyễn Thái Ngọc Mai	18/01/2004	Nữ	8,5	6,8	7,7	019			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quang Hùng

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Bích Phượng

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

01/4

D71 113

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01_3 -)/DA22DDC

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 4 / 2024

Phòng thi: D71 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	115422020	Trần Thị Thùy Dương	09/04/2004	Nữ	9,0	3,5	6,3	001	Thùy Dương		
2	115422082	Lê Thanh Nhân	29/09/2004	Nữ	8,0	5,5	6,8	002	Thanh Nhân		
3	115422084	Lê Thị Yến Nhi	01/05/2004	Nữ	4,0	6,0	5,0	003	Yến Nhi		
4	115422102	Nguyễn Thị Kim Quyên	24/09/2004	Nữ	7,5	7,3	7,4	004	Kim Quyên		
5	115422103	Phan Thị Hồng Quyên	02/12/2004	Nữ	8,0	6,3	7,2	005	Hồng Quyên		
6	115422108	Nguyễn Duy Tân	18/07/2004	Nam	3,5	5,3	4,4	006	Duy Tân		
7	115422109	Trần Văn Tân	04/11/2004	Nam	8,0	5,5	6,8	007	Trần Văn Tân		
8	115422111	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/06/2004	Nữ	7,0	4,5	5,8	008	Phương Thảo		
9	115422121	Kim Ngọc Thuận	21/01/2004	Nam	5,0	5,0	5,0	009	Kim Ngọc Thuận		
10	115422124	Đặng Thị Cẩm Tiên	16/10/2004	Nữ	6,0	5,3	5,7	010	Đặng Thị Cẩm Tiên		
11	115422129	Trần Thị Bảo Trâm	18/04/2004	Nữ	7,0	5,8	6,4	011	Trần Thị Bảo Trâm		
12	115422130	Đặng Thị Huyền Trân	02/10/2004	Nữ	8,0	6,5	7,3	012	Đặng Thị Huyền Trân		
13	115422131	Huỳnh Thị Quế Trân	02/02/2004	Nữ	9,0	4,3	6,7	013	Huỳnh Thị Quế Trân		
14	115422132	Nguyễn Thị Huyền Trân	19/03/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	014	Nguyễn Thị Huyền Trân		
15	115422133	Nguyễn Thị Huyền Trân	29/08/2004	Nữ	9,0	4,0	6,5	015	Nguyễn Thị Huyền Trân		
16	115422134	Đặng Thị Thùy Trang	12/09/2004	Nữ	7,5	5,3	6,4	016	Đặng Thị Thùy Trang		
17	115422135	Trần Đại Trí	09/08/2004	Nam	4,5	5,0	4,8	017	Trần Đại Trí		
18	115422136	Nguyễn Đỗ Trọng	08/01/2004	Nam	7,0	4,5	5,8	018	Nguyễn Đỗ Trọng		5,8
19	115422137	Trần Huỳnh Khả Tú	21/03/2004	Nữ	2,5	4,5	3,5	019	Trần Huỳnh Khả Tú		
20	115422138	Phạm Minh Tuấn	01/07/2004	Nam	8,5	6,3	7,4	020	Phạm Minh Tuấn		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20...

Tổng số tờ: 20...

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%.

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Anh Duyên

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

01/4

071-114

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01_3 -)/DA22DDC

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01/04/2024

Phòng thi: 071-114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	115422140	Huỳnh Kim Minh	Tùng	21/10/2004	Nam	8,5	6,5	7,5	001	Minh	
2	115422141	Hà Thị Ánh	Tuyền	24/02/2004	Nữ	8,0	6,0	7,0	002	Ánh	
3	115422142	Lâm Thị Bích	Tuyền	20/04/2004	Nữ	9,0	5,5	7,3	003	Bích	
4	115422144	Nguyễn Thị Mỹ	Tuyền	13/04/2004	Nữ	5,5	4,5	5,0	004	Mỹ	
5	115422147	Tạ Minh	Vân	17/02/2004	Nữ	9,0	4,8	6,9	005	Minh	
6	115422148	Tiêu Hùng Gia	Vương	21/12/2004	Nữ	9,0	6,0	7,5	006	Hùng	
7	115422153	Trương Thị Cúc	Xinh	19/10/2004	Nữ	9,0	7,0	8,0	007	Cúc	
8	115422154	Bùi Thanh	Xuân	16/10/2004	Nữ	9,0	5,5	7,3	008	Thanh	
9	115422156	Nguyễn Thị Bảo	Xuyên	27/04/2004	Nữ	8,5	5,8	7,2	009	Bảo	
10	115422157	Trần Thị Như	Ý	02/04/2004	Nữ	7,0	5,5	6,3	010	Như	
11	115422158	Nguyễn Thị Bảo	Yến	27/02/2004	Nữ	5,5	7,3	6,4	011	Bảo	
12	115422189	Trần Thị Yến	Như	04/06/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7	014	Yến	
13	115422190	Trần Thanh	Thư	29/12/2004	Nữ	7,5	3,5	5,5	015	Thanh	
14	115422191	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	18/08/2004	Nữ	4,5	4,8	4,7	016	Mỹ	
15	115422193	Nguyễn Thị Khánh	Vy	02/07/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	017	Khánh	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15

Tổng số tờ: 15

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

Điểm QT: 80%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thầy Tôn Tôn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01_3 -)/DA22KTHY

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01/04/2024

Phòng thi: 071-112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118422002	Phạm Xuân Anh	29/01/2004	Nữ	9,5	7,3	8,4	016	Xuy		
2	118422029	Lữ Tùng Khuê	29/05/2004	Nữ	10,0	7,5	8,8	017			
3	118422039	Nguyễn Nhã Kỳ	07/01/2004	Nữ	9,5	8,6	8,8	020	Ky		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quang Hùng

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Hòa

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01_3 -)/DA22TTA

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: 7N.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01 / 04 / 2024

Phòng thi: D71.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	110122030	Nguyễn Thiên Ân	21/01/2004	Nam	<u>8,5</u>	<u>6,5</u>	<u>7,5</u>	<u>012</u>	<u>AN</u>		
2	110122214	Nguyễn Phúc An	22/12/2003	Nam	<u>8,0</u>	<u>6,0</u>	<u>7,0</u>	<u>018</u>	<u>AN</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02..

Tổng số tờ: ✓.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50..%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Laanh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Đoàn Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Laanh
Nguyễn Thị Lanh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01_3 -)/DA22TTD

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01 / 04 / 2024

Phòng thi: D1.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	110122068	Võ Chí Hải	21/02/2004	Nam	<u>7,0</u>	<u>4,5</u>	<u>5,8</u>	<u>013</u>	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01...

Tổng số tờ: 1

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: [Signature] Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: [Signature]
Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

[Signature]
Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh...
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA22DDC, DA22ITA,
Sĩ số: 18..... DA22TID

Ngày đánh giá: 01. / 04. / 2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: ĐA1.114.....

		115422157	115422147
110122068	115422191	115422156	115422144
110122214	115422190	115422154	115422142
110122030	115422189	115422153	115422141
⇒ 115422198	115422158	115422148	115422140

CBCT 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nhóm/Lớp (ghi mã): DA22ĐC

Sĩ số: 20

Ngày đánh giá: 01 / 1 / 2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi: DA1114

115422103

115422111

115422133

115422131

115422102

115422121

115422137

115422020

115422084

115422129

115422136

115422134

115422082

115422135

115422124

115422006

⇒ 115422130

115422132

115422109

115422138

CBCT 1: Trình Thị Anh Duyên

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tủ tướng Hồ Chí Minh
Nhóm/Lớp (ghi mã): 01-3.10A2.2DD
Số số: 20 093

Ngày đánh giá: 01/4/2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: 02.1.11.2

<u>080</u>	<u>092</u>	<u>098</u>	<u>129</u>
			<u>002</u>
<u>079</u>	<u>091</u>	<u>097</u>	<u>187</u>
			<u>039</u>
<u>078</u>	<u>088</u>	<u>096</u>	<u>186</u>
<u>077</u>	<u>086</u>	<u>095</u>	<u>128</u>

CBCT 1: Trần Thị Ngọc Kim Hân
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tư tưởng HCM

Nhóm/Lớp (ghi mã): DA 22 DQB

Sĩ số: 20

Ngày đánh giá: 01/4/2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi: 071/111

046

048

049

050

052

053

055

056

057

058

059

060

061

064

065

067

070

071

074

075

CBCT 1: Phan Nguyễn Quốc Cường

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tư duy và Creativity
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA22.DDA
Số số:

Ngày đánh giá: 01/4/2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: D21.110

180

179

119

063

181

178

118

062

182

177

117

061

183

176

116

060

175

115

059

CBCT 1:

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tra lương HCN

Nhóm/Lớp (ghi mã): 022004

Sĩ số: 20

Ngày đánh giá: 01/04/2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi: 071109

	023		
009	021	034	
006	012	033	038
004	015	030	032
003	013	029	036
001	012	027	035

CBCT 1: Ths Phạm Hồng Sang

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN